

TỔNG CÔNG TY XM VIỆT NAM
CÔNG TY CP XI MĂNG BỈM SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Tên gói mua sắm: Mua than cám nhiệt trị ≥ 5.600 cal/g cho quý II/2025

Dự án/dự toán mua sắm: Phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn

Phát hành ngày: Ngày 04 tháng 04 năm 2025

Ban hành kèm theo Thư mời chào giá cạnh tranh thông thường số: 978.-
2025/XMBS-VT ngày 04 tháng 04 năm 2025 ✓

BÊN MỜI CHÀO GIÁ
CÔNG TY CP XI MĂNG BỈM SƠN
Q. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Huy Quân

Tháng 04/2025

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ CUNG CẤP

Mục 1. Khái quát

1. Tên bên mời chào giá là: Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn.
2. Tên gói mua sắm: Mua than cám nhiệt trị ≥ 5.600 cal/g cho quý II/2025
3. Địa điểm cung cấp: Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn
4. Loại hợp đồng: Theo đơn giá điều chỉnh
5. Thời gian thực hiện hợp đồng: 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;

Mục 2. Phạm vi cung cấp và địa điểm giao hàng của gói mua sắm

- Phạm vi cung cấp: 56.000 tấn than cám nhiệt trị ≥ 5.600 cal/g được chia thành 02 lô, cụ thể như sau:

- + Lô số 1: 28.000 tấn;
- + Lô số 2: 28.000 tấn;

Nhà cung cấp được phép tham gia chào giá 01 trong 02 lô có khối lượng giống nhau;

- Địa điểm giao hàng: Tại máng tiếp nhận than cám CT12 - Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn;

Mục 3. Đồng tiền chào giá và đồng tiền thanh toán là: VND

Mục 4. Đơn chào giá, giá chào và biểu giá

1. Nhà cung cấp phải nộp và điền đầy đủ các thông tin theo các biểu mẫu số: Mẫu số 01. Đơn chào giá.

Mẫu số 02. Bảng tổng hợp giá chào.

Mẫu số 03. Bảng giá chào của hàng hóa

Mẫu số 04. Cam kết thực hiện gói mua sắm hàng hóa.

Mẫu số 05. Hợp đồng tương tự do bên chào giá thực hiện

Mẫu số 06. Tình hình tài chính của Bên chào giá

Mẫu số 07. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Các nội dung cần thiết khác _____ [Ghi tên các thành phần cần thiết khác (nếu có)].

Mục 5. Thời hạn hiệu lực của Thư chào giá

Thời gian có hiệu lực của Thư chào giá tối thiểu là 40 ngày, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá vào **hồi 14 giờ 00 phút, ngày 8 tháng 4 năm 2025.**

Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá thư chào giá

1. Nhà thầu phải nộp báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện bằng phong bì kín có niêm phong theo cách của nhà thầu (**Ngoài phong bì ghi rõ: Thư chào giá cạnh tranh, Lô số...: Cung cấp than cám nhiệt trị ≥ 5.600 cal/g thuộc gói mua sắm: Mua sắm than cám nhiệt trị ≥ 5.600 cal/g cho quý II/2025**), gửi về địa chỉ tiếp nhận thư chào giá: Phòng Vật tư - Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn; Điện thoại: 023 3824242, 023 3824046; không muộn hơn **14 giờ 00 phút, ngày 8 tháng 4 năm 2025.** Các thư chào giá được gửi đến bên mời chào giá sau thời điểm hết hạn nộp thư chào giá sẽ không được xem xét.

2. Bên mời chào giá chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong thư chào giá của từng nhà cung cấp. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp Thư chào

giá, bên mời chào giá lập bên bản tiếp nhận các TCG. Trong vòng 02 giờ bên mời chào giá lập biên bản mở TCG bao gồm tối thiểu các nội dung: Tên nhà cung cấp, giá chào, thời gian có hiệu lực của thư chào giá và biên bản tiếp này đến các nhà cung cấp đã nộp Thư chào giá.

3. Bên mời chào giá so sánh các thư chào giá theo thư mời chào giá. Trong quá trình đánh giá các thư chào giá, bên mời chào giá có thể mời nhà cung cấp có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 7. Điều kiện xét duyệt trúng chào giá

Bên chào giá được xem xét, đề nghị trúng chào giá khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Thư chào giá đáp ứng tất cả các yêu cầu theo Thư mời chào giá;
2. Có giá chào thấp nhất và không vượt giá toán gói mua sắm được duyệt.

Mục 8. Công khai kết quả lựa chọn nhà cung cấp

1. Kết quả lựa chọn nhà cung cấp sẽ được gửi đến tất cả nhà cung cấp tham gia chào giá theo đường bưu điện, fax hoặc được đăng tải trên Website: <http://ximangbimson.com.vn> của Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn, hoặc đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng khác.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp, nếu có nhà cung cấp không trúng chào giá gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc, bên mời chào giá sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp.

Mục 9. Giải quyết kiến nghị

1. Nhà cung cấp có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà cung cấp và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào giá cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng khi tham gia chào giá theo quy định của Thư mời chào giá.

2. Trường hợp Bên chào giá có kiến nghị về kết quả chào giá gửi người có thẩm quyền và Hội đồng tư vấn về giải quyết kiến nghị, Bên chào giá sẽ phải nộp một khoản chi phí là 3.000.000 đồng cho bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn về giải quyết kiến nghị. Trường hợp Bên chào giá có kiến nghị được kết luận là đúng thì chi phí do Bên chào giá nộp sẽ được hoàn trả bởi cá nhân, tổ chức có trách nhiệm liên đới.

Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của bên mời chào giá là: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

- Phòng Ba Đình, TX Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- SĐT: 0237.3824242; Fax: 037.3824046

3. Xử lý vi phạm: Trường hợp Bên chào giá có các hành vi, vi phạm về chào giá cạnh tranh thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý căn cứ theo quy định của Thư mời chào giá và quy chế mua sắm số: 3149/QĐ-XMBS ngày 27/12/2019 của Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn và các quy định pháp luật khác liên quan.

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ THƯ CHÀO GIÁ

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của Thư chào giá

1.1. Kiểm tra tính hợp lệ:

a. Kiểm tra số lượng 01 bản gốc và 02 bản sao Thư chào giá của nhà cung cấp;

b. Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết TCG;

1.2. Đánh giá tính hợp lệ của Thư chào giá của nhà cung cấp:

Thư chào giá của nhà cung cấp được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a. Có bản gốc Thư chào giá của nhà cung cấp;

b. Có đơn thuộc Thư chào giá của nhà cung cấp được đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có).

c. Thời gian thực hiện hợp đồng đáp ứng yêu cầu nêu trong Thư chào giá của nhà cung cấp;

d. Giá chào ghi trong đơn chào giá phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên chào giá;

đ. Thời hạn hiệu lực của TCG đáp ứng theo yêu cầu của chào giá.

Nhà thầu có TCG hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

- **Doanh thu trung bình hàng năm:** Doanh thu trung bình hàng năm của nhà cung cấp tối thiểu $\geq 208.740.000.000$ đồng (Trong vòng 2 năm từ năm 2022÷2023);

Trong đó:

- Doanh thu bình quân lô số 1 $\geq 104.370.000.000$ VND;

- Doanh thu bình quân lô số 2 $\geq 104.370.000.000$ VND;

Được cơ quan thuế xác nhận hoặc đơn vị kiểm toán xác nhận.

- Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng:

- Số lượng tối thiểu 01 Hợp đồng đã cung cấp than cám cho các nhà máy xi măng, tính từ năm 2022 trở về đây, giá trị hợp đồng tối thiểu bằng hoặc lớn hơn 50% giá trị gói mua sắm đang xét $\geq 76.538.000.000$ đồng.

Trong đó:

+ Lô số 1: Tối thiểu 01 Hợp đồng đã cung cấp than cám cho các nhà máy xi măng, tính từ năm 2022 trở về đây, giá trị hợp đồng tối thiểu bằng hoặc lớn hơn 50% giá trị lô hàng đang xét $\geq 38.300.000.000$ đồng;

+ Lô số 2: Tối thiểu 01 Hợp đồng đã cung cấp than cám cho các nhà máy xi măng, tính từ năm 2022 trở về đây, giá trị hợp đồng tối thiểu bằng hoặc lớn hơn 50% giá trị lô hàng đang xét $\geq 38.300.000.000$ đồng;

Nhà cung cấp có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng các yêu cầu trên được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật: Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

Thư chào giá được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí của gói mua sắm đều được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

Nội dung đánh giá của từng lô		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
1. Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa		
Chỉ tiêu yêu cầu	Yêu cầu kỹ thuật	Kết quả đánh giá
Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	Có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, hoàn toàn phù hợp đáp ứng yêu cầu của Thư chào giá.	Đạt
1. Yêu cầu kỹ thuật chính:		
1.1. Cỡ hạt. (Tỷ lệ trên cỡ không lớn hơn 10%)	≤ 15 mm	Đạt
1.2. Độ tro khô: A ^k (%) (Phân tích A ^k theo tiêu chuẩn TCVN 173:2011)	27,01 ÷ 31	Đạt
1.3. Chất bốc khô V ^k (%) (Phân tích V ^k theo tiêu chuẩn TCVN 174:2011)	7 ÷ 10	Đạt
1.4. Độ ẩm toàn phần W ^{tp} (%) (Phân tích W ^{tp} theo tiêu chuẩn TCVN 172:2019)	Quy về độ ẩm 8,5% để thanh toán Độ ẩm thực tế không vượt quá quy định sau: - Mùa khô (từ ngày 01/01 ÷ 30/4 và từ 01/11 ÷ 31/12): độ ẩm ≤ 14% - Mùa mưa (từ ngày 01/5 ÷ 31/10): độ ẩm ≤ 16%	Đạt
1.5. Trị số tỏa nhiệt toàn phần, khô Q ^k _{gr} (cal/g) (Phân tích theo TCVN: 200-2011)	≥ 5.600	Đạt
1.6. Lưu huỳnh chung khô S ^k _{ch} (%) (Phân tích S ^k _{ch} theo tiêu chuẩn TCVN 175:2015)	≤ 0,9	Đạt
2. Các yêu cầu khác:		
2.1. Phạm vi cung cấp	5.600 tấn than cám nhiệt trị ≥ 5.600 cal/g	Đạt
2.2. Địa điểm giao hàng	Tại kho Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	Đạt
2.3. Thời gian và tiến độ giao hàng	Thời gian giao hàng: Từ 06 giờ 00 phút đến 18 giờ 00 phút hoặc theo yêu cầu của Bên mời nhà cung cấp.	Đạt
2.4. Điều kiện thanh toán	Chấp nhận yêu cầu điều kiện thanh toán: Bên mời nhà cung cấp thanh toán 100% giá trị theo từng đợt nhập hàng sau 45 ngày và không quá 160 ngày cho Nhà cung cấp sau khi Nhà cung cấp giao hàng cho Bên mời nhà cung cấp và đầy đủ hồ sơ thanh toán: - Hóa đơn giá trị gia tăng (Nhà cung cấp cấp); - Giấy CO nếu là than nhập khẩu (Nhà cung cấp cấp); - Phiếu phân tích chất lượng (Xi măng Bim Sơn cấp); - Bảng kê khối lượng hàng nhập (Xi măng Bim Sơn cấp); - Biên bản nghiệm thu hàng hóa (Xi măng Bim Sơn lập);	Đạt

2.5. Cam kết về nguồn gốc xuất xứ và tài liệu chứng minh nguồn gốc than hợp pháp	Nhà cung cấp cam kết nếu trúng chào giá phải cung cấp than cám có nguồn gốc hợp pháp và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về nguồn gốc xuất xứ than.	Đạt
2.6. Thời gian thực hiện hợp đồng	90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Đạt
Điều kiện đánh giá không đạt	Nếu Nhà cung cấp không đáp ứng được một trong tất cả các yêu cầu trên thì sẽ bị đánh giá không đạt	Không đạt
Kết luận:		

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt.

Thư chào giá được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt, đối với một số tiêu chí không quan trọng thì tiêu chí đánh giá chỉ cần chấp nhận được. Thư chào giá của Bên mời nhà cung cấp được đánh giá là đạt thì sẽ được tiếp tục xem xét, đánh giá về giá.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về giá

4.1. Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự chào giá;

Bước 2. Sửa lỗi;

Bước 3. Xác định giá dự chào giá sau sửa lỗi, trừ đi giảm giá (nếu có)

Bước 4. Xếp hạng Bên chào giá: Thư chào giá có giá chào sau sửa lỗi, trừ đi giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Chương III: BIỂU MẪU CHÀO GIÁ

Mẫu số 01. Đơn chào giá

Mẫu số 02. Bảng tổng hợp giá chào

Mẫu số 03. Bảng giá chào của hàng hóa

Mẫu số 04. Cam kết thực hiện gói mua sắm hàng hóa

Mẫu số 05. Hợp đồng tương tự do bên chào giá thực hiện

Mẫu số 06. Tình hình tài chính của bên chào giá

Mẫu số 07. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

ĐƠN CHÀO GIÁ

Ngày.....tháng.....năm

Tên gói mua sắm hàng hóa : (*Ghi tên gói mua sắm theo thông báo mời chào giá*)

Kính gửi: Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn

Sau khi nghiên cứu Thư mời chào giá số/XMBS-VT mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi (*Ghi tên Bên chào giá.....*), cam kết thực hiện gói mua sắm: (*ghi tên gói mua sắm.....*), theo đúng yêu cầu của Thư mời chào giá với tổng số tiền là (*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền.....*) cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là (*Ghi thời gian thực hiện hợp đồng.....*).

Chúng tôi cam kết:

Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian ngày, kể từ ngày ____ [*Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng chào giá*].

Đại diện hợp pháp của bên chào giá

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

STT	Nội dung	Giá chào
1	Than cám nhiệt trị ≥ 5.600 cal/g	(M)
Tổng cộng giá chào <i>(Kết chuyển sang đơn chào hàng)</i>		(M)

Đại diện hợp pháp của bên chào giá

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA THEO TỪNG LÔ HÀNG

Stt	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4x6)
1	Than cám nhiệt trị \geq 5.600 cal/g	Tấn	28.000			M_1
Tổng cộng giá chào của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)</i>						$M=M_1+M_2+\dots+M_4$

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4) Bên mời chào giá ghi phù hợp với Danh mục hàng hóa quy định tại Chương II - Phạm vi, yêu cầu của gói mua sắm.

Các cột (5), (6), (7) do nhà cung cấp chào.

Đơn giá tại cột (6) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá theo yêu cầu của bên mời chào giá, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có) và không bao gồm các chi phí của dịch vụ liên quan tại Mẫu số 03^a (2). Khi tham gia chào giá cạnh tranh, nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm trước ngày có thời điểm hết hạn nộp báo giá theo quy định.

* Nhà cung cấp chào giá lô hàng nào thì ghi khối lượng chào giá của lô tương ứng

BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI MUA SẮM HÀNG HÓA

Ngày:tháng.....năm.....

Tên gói mua sắm: Mua than cám nhiệt trị ≥ 5.600 cal/g cho quý II/2025

Kính gửi: Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn.

Sau khi nghiên cứu công văn số...../XMBS-VT về việc mời tham gia chào giá và các tài liệu đính kèm gói (ghi tên gói mua sắm.....) do Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn phát hành, chúng tôi, (*ghi tên nhà cung cấp tham gia.....*), có địa chỉ tại (*Ghi địa chỉ của nhà cung cấp tham gia chào giá*) cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để cung cấp hàng hóa có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp và theo đúng quy định của Thư mời chào giá.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của Bên mời chào giá
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO BÊN CHÀO GIÁ THỰC HIỆN

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên bên chào giá: ____ [ghi tên đầy đủ của Bên chào giá]

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]	
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]	
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]	
Giá hợp đồng	[ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VND
Tên Chủ đầu tư:	[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]	
Địa chỉ:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]	
Điện thoại/fax:	[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]	
E-mail:	[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]	
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Chương II-Tiêu chuẩn đánh giá Thu chào giá.		
1. Loại hàng hóa	[ghi thông tin phù hợp]	
2. Về giá trị	[ghi số tiền bằng VND]	
3. Về quy mô thực hiện	[ghi quy mô theo hợp đồng]	
4. Các đặc tính khác	[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]	

Bên chào giá phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của Chủ đầu tư về hợp đồng đã hoàn thành theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

Ghi chú:

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

(2) Bên chào giá chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói mua sắm.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA BÊN CHÀO GIÁ

Tên Bên chào giá: _____

Ngày: _____

Số liệu tài chính cho 2 năm gần nhất [VND]

Năm 2022:

Năm 2023:

Thông tin từ Bảng cân đối kế toán

Tổng tài sản		
Tổng nợ		
Giá trị tài sản ròng		
Tài sản ngắn hạn		
Nợ ngắn hạn		
Vốn lưu động		

Thông tin từ Báo cáo kết quả kinh doanh

Tổng doanh thu			
Doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động sản xuất kinh doanh⁽³⁾			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Đính kèm là bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho ba năm gần nhất⁽⁴⁾, như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

Các báo cáo tài chính được kiểm toán theo quy định.

Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành và được kiểm toán. Kèm theo là bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Các tài liệu khác.

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

.....ngày.....tháng....năm

Kính gửi:(tên chủ đầu tư)

Theo đề nghị của(ghi tên nhà thầu) sau đây gọi là nhà thầu (là nhà đã trúng thầu) ghi tên gói mua sắm (.....) và cam kết sẽ ký hợp đồng gói mua sắm sau đây gọi là hợp đồng.

Theo quy định trong thư yêu cầu chào giá (hoặc hợp đồng) nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng.

Chúng tôi(ghi tên ngân hàng)có trụ sở đứng ký tại.....ghi địa chỉ Ngân hàng sau đây (gọi là ngân hàng) xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của nhà thầu với số tiền là (.....) ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng.

Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho chủ đầu tư, bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn (.....) ghi số tiền bảo lãnh, như đã nêu trên. Khi đã có văn bản của chủ đầu tư thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày... tháng ...năm.....

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
(ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới có giấy bảo lãnh thì bên mời thầu sẽ báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

Theo đề nghị của(ghi tên nhà thầu) sau đây gọi là nhà thầu là nhà trúng thầu gói thầu gói mua sắm (.....) ghi tên gói mua sắm đã ký hợp đồng số (.....) ghi tên số hợp đồng ngày.....thángnăm.....

(3) Địa chỉ Ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, fax, e-mail để liên hệ

(4) ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.

Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG THEO TỪNG LÔ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Lô số ...: Cung cấp than cám nhiệt trị ≥ 5.600 cal/g
thuộc gói mua sắm: Mua than cám nhiệt trị ≥ 5.600 cal/g cho quý II/2025

Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc Hội;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-XMBS ngàytháng năm của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn về việc phê duyệt phương án mua sắm gói (ghi tên gói mua sắm);

Căn cứ Quyết định số/QĐ-XMBS ngàytháng năm của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp gói (ghi tên gói mua sắm);

Căn cứ nhu cầu sử dụng, khả năng cung ứng và sự thỏa thuận của hai bên.

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm, tại Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn, chúng tôi đại diện cho các bên ký hợp đồng gồm có:

BÊN BÁN: (ghi tên nhà cung cấp bằng chữ in hoa, đậm)..... (gọi tắt Bên A)

Địa chỉ:

Tài Khoản: tại

Điện Thoại:

Mã số thuế:

Đại diện là Ông: Chức vụ: (ghi chức vụ bằng chữ in đậm)

(Ghi chú: Trường hợp đại diện theo pháp luật của bên chào giá ủy quyền cho cấp dưới ký hợp đồng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền)

BÊN MUA: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG BỈM SƠN (gọi tắt Bên B)

Địa chỉ: Phường Ba Đình - Thị xã Bỉm Sơn - Thanh Hóa.

Điện thoại: 0237.3824242

Fax: 0237.3824046

Tài khoản: 116000019556 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, Chi nhánh Bắc Thanh Hóa

Mã số thuế: 2800232620

Đại diện là Ông: (họ và tên bằng chữ thường, in đậm) Chức vụ: **Tổng giám đốc**

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng mua bán (ghi nội dung mua bán trong hợp đồng).....:

Điều 1. Số lượng, đơn giá, thành tiền

Stt	Tên hàng hóa	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
1	Than cám nhiệt trị \geq 5.600cal/g		Tấn	28.000		
Cộng tiền hàng:						
Thuế GTGT 10 %:						
Tổng giá trị sau thuế:						
<i>Viết bằng chữ:.....</i>						

Giá trị nêu trên đã bao gồm toàn bộ các công việc như giao hàng trên phương tiện của bên A và tự hạ hàng vào kho của bên B và tất cả các loại thuế liên quan đến công việc theo quy định của pháp luật. Số lượng cho phép tăng giảm \pm 10% so với số lượng đã ký.

- Đơn giá trên ứng với các chỉ tiêu kỹ thuật quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này;

- Khi chính sách thuế thay đổi thì đơn giá áp dụng theo quy định của Nhà nước.

Trường hợp giá cả thị trường có nhiều biến động hoặc trường hợp Tập đoàn Công nghiệp than- Khoáng sản Việt Nam (TKV) điều chỉnh đơn giá bán than tại đầu nguồn thì hai bên sẽ ký phụ lục bổ sung Hợp đồng phù hợp với tình hình thực tế.

Ghi chú: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) thì sẽ được điều chỉnh theo quy định chính sách về thuế của nhà nước Việt Nam thời điểm hiện tại.

Điều 2. Yêu cầu chất lượng của hàng hóa

Bên A cung cấp than cám nhiệt trị \geq 5.600 cal/g theo tiêu chuẩn sau:

Stt	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp phân tích	Yêu cầu kỹ thuật than cám
1	Cỡ hạt (tỷ lệ trên cỡ không lớn hơn 10%)		\leq 15 mm
2	Độ tro khô: A^k (%)	TCVN 173:2011	27,01 ÷ 31
3	Chất bốc khô V^k (%)	TCVN 174:2011	7 ÷ 10
4	Độ ẩm toàn phần W^{tp} (%)	TCVN 172:2019	Quy về độ ẩm 8,5% để thanh toán
5	Trị số tỏa nhiệt toàn phần Q_{gr}^k (cal/g)	TCVN 200:2011	\geq 5.600
6	Lưu huỳnh chung khô S_{ch}^k (%)	TCVN 175:2015	\leq 0,9

Điều 3. Địa điểm, phương thức và tiến độ giao hàng**3.1. Địa điểm và phương thức giao nhận:**

- Giao nhận hàng tại kho Bên B bằng phương tiện vận chuyển của Bên A, trọng lượng hàng được xác định qua cân ô tô theo quy định hiện hành của Bên B.

- Hàng hóa vận chuyển phải được che phủ bạt để đảm bảo vệ sinh môi trường và tránh mưa làm ảnh hưởng đến độ ẩm của than cám.

3.2. Tiến độ giao hàng:

Căn cứ vào nhu cầu sử dụng phục vụ cho sản xuất, bên B sẽ có thông báo cụ thể bằng điện thoại hoặc văn bản về khối lượng và thời gian nhập hàng hàng.

Thời gian giao, nhận hàng trong ngày từ 6 giờ đến 18 giờ 00 phút hoặc theo yêu cầu của bên B.

Nếu có thay đổi Bên B sẽ thông báo cho Bên A biết trước tối thiểu 2 ngày để bên A có kế hoạch nhập hàng.

Điều 4. Nghiệm thu hàng hóa

4.1. Quy định về kiểm tra chất lượng hàng hóa:

- Phòng Thí nghiệm của Bên B sẽ kiểm tra 04 chỉ tiêu: A^k , V^k , W^{tp} và Q^{kgr} để làm cơ sở nghiệm thu hàng hóa và thanh toán.

- Cách tính lô và lấy mẫu trong quá trình nhập hàng:

Khối lượng một lô hàng được quy định là ≤ 1.000 tấn. Tham gia cùng lấy mẫu có đại diện của Bên A và Bên B. Quy trình lấy mẫu, chuẩn bị mẫu, kiểm tra, thử nghiệm các chỉ tiêu chất lượng than được áp dụng theo quy định của bên B phù hợp với TCVN. Sau khi lấy mẫu, hai bên chia đều mẫu để cùng kiểm tra và lưu mẫu. Nếu có tranh chấp hai bên sẽ dựa trên cơ sở mẫu lưu của hai bên để làm đối chứng. Đối với mẫu kiểm tra W^{tp} , mẫu lưu ẩm có giá trị trong vòng 10 ngày kể từ khi phòng Thí nghiệm bên B ban hành kết quả thử nghiệm. Đối với mẫu kiểm tra A^k , V^k , Q^{kgr} , mẫu lưu thành phần có giá trị trong vòng 45 ngày kể từ khi phòng Thí nghiệm bên B ban hành kết quả thử nghiệm.

Trường hợp xảy ra tranh chấp về chất lượng hàng hóa mà hai bên không thống nhất được phương án giải quyết thì sẽ đem mẫu lưu tại Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn (đã được niêm phong) đến đơn vị giám định độc lập được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép để kiểm tra mẫu. Kết quả kiểm tra của đơn vị giám định sẽ là kết quả cuối cùng để xác định chất lượng của hàng hóa.

4.2. Quy trình nghiệm thu: Xác định khối lượng thanh toán

Khối lượng được quy về độ ẩm 8,5% để thanh toán theo công thức sau:

$$M = M_{tt} \times \frac{100 - W^{tp}_{tt}}{100 - W^{tp}_{tb}}$$

Trong đó:

- M: Là khối lượng than thanh toán (*trương ứng với độ ẩm trung bình*).

- M_{tt} : Khối lượng thực tế giao nhận qua bàn cân của Bên B.

- W^{tp}_{tt} : Độ ẩm thực tế (*theo kết quả phân tích chất lượng của P.Thí nghiệm Bên B*).

- W^{tp}_{tb} : Quy về độ ẩm 8,5% để thanh toán.

* Độ ẩm thực tế không vượt quá quy định sau:

- Mùa khô (từ ngày 01/01 ÷ 30/4 và từ 01/11 ÷ 31/12): độ ẩm $\leq 14\%$.

- Mùa mưa (từ ngày 01/5 ÷ 31/10): độ ẩm $\leq 16\%$.

Điều 5. Trách nhiệm của mỗi bên

5.1. Trách nhiệm của Bên A:

- Cung cấp đầy đủ chứng từ kiểm soát chất lượng theo quy định của Hợp đồng.

- Chịu trách nhiệm về nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa trước cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu cần kiểm tra.

- Giao đủ số lượng, đúng tiến độ, đúng phương thức, địa điểm, đúng chủng loại hàng hóa và đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng như đã quy định tại Hợp đồng này.

- Trong quá trình thực hiện giao nhận hàng, Bên A phải chấp hành các quy định về công tác an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ của Bên B. Nếu Bên A có phương tiện và người vi phạm thì sẽ bị xử lý theo quy chế hiện hành của Bên B hoặc theo quy định của Pháp luật.

5. 2. Trách nhiệm của Bên B:

Nhận đủ số lượng, chủng loại hàng hóa, đúng tiến độ như đã thông báo cho bên A. Tổ chức giao nhận hàng nhanh chóng, tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện vận chuyển vào nhập hàng tại kho của Bên B.

Thanh toán cho bên A theo đúng thời hạn đã quy định trong hợp đồng.

Điều 6. Thời gian thực hiện hợp đồng: 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng;

Điều 7. Điều kiện thanh toán

7.1. Phương thức thanh toán:

Bên B sẽ thanh toán cho bên A sau khi hoàn tất các thủ tục nhập kho và hồ sơ thanh toán của bên A theo từng tháng. Hồ sơ, chứng từ thanh toán gồm:

Hóa đơn giá trị gia tăng (Bên A cấp);

Phiếu phân tích chất lượng (Bên B cấp);

Bảng tính khối lượng công nghệ trừ ẩm (Bên B cấp);

Biên bản nghiệm thu hàng hóa (Bên B lập);

Giấy CO+CQ nếu là than nhập khẩu (Bên A cấp).

7.2. Hình thức thanh toán gồm:

Bên B thanh toán tiền mua hàng cho Bên A bằng chuyển khoản qua ngân hàng trong vòng 45 đến 160 ngày kể từ khi có đầy đủ biên bản đối chiếu giao nhận hàng, hóa đơn GTGT và các giấy tờ thanh toán khác theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

Điều 8. Loại hợp đồng: Theo đơn giá điều chỉnh.

Điều 9. Phạt do vi phạm Hợp đồng

9.1. Về tiến độ:

Nếu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng 01 tuần đầu thì phạt 0,5% giá trị phần bị chậm, cứ 01 tuần chậm tiếp theo thì phạt 0,5 % giá trị phần bị chậm nhưng tổng số tiền phạt không quá 08% giá trị phần bị vi phạm.

9.2. Về chỉ tiêu chất lượng hai bên cùng nhau thương thảo tìm nguyên nhân khách quan và chủ quan để cùng giải quyết theo quy định sau:

- Nếu lô hàng vi phạm một trong 2 chỉ tiêu A^k hoặc V^k khi thanh toán Bên B sẽ trừ 01% giá trị lô hàng vi phạm theo đơn giá hợp đồng.

- Nếu lô hàng vi phạm đồng thời cả 2 chỉ tiêu A^k và V^k thì khi thanh toán Bên B sẽ trừ 02% giá trị lô hàng vi phạm theo đơn giá hợp đồng.

- Trường hợp nhiệt trị của lô hàng $Q_{kgr} < 5.600$ cal/g thì đơn giá được quy đổi theo công thức:

$$\text{Đơn giá (đồng/tấn)} = \text{Nhiệt trị thực tế X} \frac{\text{Đơn giá hợp đồng}}{5.600}$$

Đồng thời bên B giảm trừ như sau:

- Nếu nhiệt trị của lô hàng nằm trong khoảng $5.400 \text{ cal/g} \leq Q_{\text{gr}}^k < 5.600 \text{ Cal/g}$ thì bên B giảm trừ 01% giá trị hàng hóa vi phạm theo đơn giá hợp đồng.

- Nếu nhiệt trị của lô hàng $Q_{\text{gr}}^k < 5.400 \text{ cal/g}$ thì bên B giảm trừ 02% giá trị hàng hóa vi phạm theo đơn giá hợp đồng và đồng thời bên B tạm dừng nhập hàng, hai bên tìm phương án xử lý.

- Riêng chỉ tiêu lưu huỳnh khi cần thiết bên B có thể kiểm tra xác suất mẫu của bên A. Nếu chỉ tiêu lưu huỳnh vượt quy định Hợp đồng thì trừ 0,5% giá trị lô hàng vi phạm.

- Trong quá trình sử dụng, nếu phát hiện trong than có lẫn tạp chất...bên B sẽ chủ trì cân lại khối lượng và trả lại hàng cho bên A.

- Nếu độ ẩm vượt quá quy định của Hợp đồng thì khi thanh toán sẽ trừ đi 01% giá trị lô hàng vi phạm theo đơn giá hợp đồng.

Ghi chú: Đơn giá hợp đồng là đơn giá đã bao gồm thuế GTGT 10%.

- Phương tiện nhập than có các dấu hiệu sau không được nhập hàng.

+ Có hiện tượng rỉ nước từ thùng của phương tiện vận chuyển than.

+ Trên thùng phương tiện vận chuyển than có các vũng nước hoặc các vũng chứa than có độ ẩm quá cao.

+ Trên thùng phương tiện vận chuyển than của Bên A có lẫn các cục đá có kích thước $\geq 200\text{mm}$ hoặc có lẫn các tạp chất khác không phải than mà có thể dùng mắt thường để phát hiện được.

Điều 10. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng được thực hiện trong các trường hợp sau: Trường hợp số lượng sử dụng thực tế lớn hơn 10% số lượng Hợp đồng đã ký;

2. Trường hợp phát sinh các chủng loại ngoài phạm vi nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này, Bên B và Bên A sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện theo thỏa thuận của hai bên nếu cần thiết.

Điều 11. Hiệu lực hợp đồng

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi hai bên thực hiện xong các công việc theo quy định, hoàn thành mọi nghĩa vụ của hợp đồng và không có khiếu nại gì bằng văn bản thì hợp đồng tự động coi như được thanh lý.

Điều 12. Cam kết chung

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã ghi trong hợp đồng mà không được đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ các điều khoản hợp đồng trừ trường hợp bất khả kháng. Nếu bên nào vi phạm, bên đó phải chịu trách nhiệm bồi thường các khoản tổn thất do bên đó gây ra. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc hai bên gặp nhau bàn bạc, tìm biện pháp giải quyết đi đến thống nhất, nếu không thống nhất thì sẽ đưa ra Tòa án gần nhất giải quyết, mọi chi phí phát sinh do bên vi phạm chịu.

Trong trường hợp bất khả kháng như chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh...dẫn đến việc không thực hiện được đầy đủ các cam kết trong Hợp đồng này thì hai Bên cùng nhau đàm phán tìm hướng giải quyết.

Các điều khoản không quy định trong hợp đồng này sẽ được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật. Hợp đồng được lập thành 08 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 05 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

(ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B

(ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)